

Bản án số: 279/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Châu Vũ Sơn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 510/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày, chị và anh T do được mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2018, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/01/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm, không hợp nhau, trong cuộc sống anh **T** thường xuyên đánh chị và con, chỉ vì thương con nên chị **D** chịu đựng, mặc dù cha mẹ chồng có khuyên ngăn nhưng anh **T** vẫn không sửa đổi. Chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới hai lần nhưng do anh **T** năn nỉ chị nên chị tự nguyện rút đơn về sống lại để lo cho con. Khi về sống chung anh **T** vẫn như xưa thường xuyên đánh chị và con. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung **Phạm Nguyễn Duy N**, sinh ngày 02/11/2020 hiện nay sống chung với chị **D**, khi ly hôn chị **D** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **N**, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Thúy D** xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Thúy D** xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy Căn cước công dân, giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính), giấy khai sinh (bản sao), 02 Quyết định đình chỉ (bản chính).

Do chị bận đi làm ăn xa cho chị xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử, chị không khiếu nại gì về sau.

Anh **Phạm Minh T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Minh T do được mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2018, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/01/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng sống chung không hạnh phúc nữa, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, trong cuộc sống hằng ngày anh T thường xuyên đánh chị D và con, chỉ vì thương con nên chị D chịu đựng, mặc dù cha mẹ chồng có khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới hai lần nhưng do anh T năn nỉ chị nên chị tự nguyện rút đơn về sống lại để lo cho con. Tuy nhiên khi về sống chung anh T vẫn như xưa thường xuyên đánh chị và con. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Phía anh T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có cơ sở xem xét.

Xét thấy, xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, trong cuộc sống hằng ngày và anh T thường xuyên đánh chị D và con là hành vi bạo lực gia đình. Ngoài ra, chị D đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới hai lần nhưng do anh T năn nỉ chị nên chị tự nguyện rút đơn về sống lại để lo cho con. Tuy nhiên khi về sống chung anh T vẫn như xưa thường xuyên đánh chị và con. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị D. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Duy N, sinh ngày 02/11/2020, đang sống cùng chị D, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N dưới sự chăm sóc của chị D phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên cần ổn định của sống của cháu nên tiếp tục giao cháu N cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy D đối với anh Phạm Minh T.

- Chị Nguyễn Thị Thúy D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Nguyễn Duy N, sinh ngày 02/11/2020; anh Phạm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thúy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Minh T cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở chị Nguyễn Thị Thúy D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, trong cuộc sống hằng ngày và anh T có hành vi bạo lực gia đình thường xuyên đánh chị D và con. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã ra 02 Quyết định đình chỉ vụ án số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2024 và Quyết định đình chỉ vụ án số 136/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2024 đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị D và anh T với lý do chị D tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để tạo cơ hội hàn gắn lại với anh T. Tuy nhiên khi về sống chung anh T vẫn như xưa thường xuyên đánh chị và con. Ngoài ra Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị D. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị D, anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phạm Nguyễn Duy N, sinh ngày 02/11/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình

cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết anh T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị D. Do đó, để chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không có ý kiến, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy D xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Minh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều:*

*Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy D.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 4 ngày 14/01/2019 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Thúy D và anh Phạm Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Duy N, sinh ngày 02/11/2020 hiện nay sống chung với chị D, khi ly hôn chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Anh Phạm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thúy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Thúy D** xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Thúy D** xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ghi nhận chị **D** xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị **D** và anh **T** trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị **Nguyễn Thị Thúy D** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015779 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 7 năm 2024; chị **Nguyễn Thị Thúy D** đã nộp đủ án phí.

Anh **Phạm Minh T** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Văn Bé**

**Châu Vũ Sơn**

**Phan Thị Nga**





